NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2024

Ngành: **Khoa học máy tính**
Chuyên ngành: ***Hệ thống thông tin***
Mã số ngành: **7480101** Số tín chỉ tích lũy: **134**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP họ trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐAMH	KLTN	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**50**	**50**	**0**	**0**	**0**	**0**	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			**14**	**14**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1.	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	3					
2.	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2					POL105
3.	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2					POL106
4.	POL108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2					POL109
5.	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL107
6.	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS202	Toán cao cấp	3	3					
3	NAS204	Vật lý đại cương	3	3					
4	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
I.3. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
2	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	3					
I.4. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
I.5. Các học phần về tố chất cá nhân chung			**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
I.6.Các học phần tự chọn			**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	
Chọn 1 trong 2 học phần			**3**	**3**					
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3					
2	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
Chọn 1 trong 2 học phần			**3**	**3**					
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	3					ENG201
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	3					
Chọn 1 trong 2 học phần			**3**	**3**					
1	MAN201	Quản trị học	3	3					
2	SOS206	Mỹ học đại cương	3	3					
Chọn 1 trong 2 học phần			**3**	**3**					
1	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
2	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**84**	**44**	**19**	**6**	**3**	**12**	
II.1. Kiến thức cơ sở ngành			**21**	**15**	**5**	**1**	**0**	**0**	
1	INT306	Nhập môn ngành	2	2					
2	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
3	INT322	Lập trình Java cơ bản	3	2	1				
4	INT4401	Mạng máy tính	3	2	1				INT312; INT313
5	INT4403	Hệ điều hành Linux	3	2	1				INT416
6	INT304	Kiến trúc máy tính	2	2					
7	INT323	Cơ sở dữ liệu	4	3	1				
8	ELE326	Linh kiện điện tử	3	2	1				
II.2. Kiến thức chuyên ngành			**30**	**19**	**8**	**0**	**0**	**0**	
1	INT416	Hệ điều hành	2	2					INT304
2	INT324	Lập trình C++	3	2	1				
3	INT4404	Lập trình C++ nâng cao	3	2	1				INT324
4	INT321	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1				INT324
5	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	2					
6	INT4406	Lập trình hướng đối tượng	3	2	1				INT324
7	INT4407	Lập trình web cơ bản	3	2	1				INT324, IINT323
8	INT4405	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	2	1				INT323
9	INT4271	Phân tích thiết kế hệ thống	5	3	2				INT324, IINT323
10	INT4121	Cơ sở Trí tuệ nhân tạo	3	2	1				INT321
II.3. Phần chọn theo chuyên ngành			**16**	**10**	**6**		**3**		
1	INT4011	Cơ sở dữ liệu phân tán	3	2	1				INT4405
2	INT4791	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	4	2	2				INT324, IINT323
3	INT4181	Khai phá dữ liệu	3	2	1				
Chọn 1 trong 2 học phần			**3**	**2**	**1**				
1	INT4031	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1				INT324, IINT323

2	INT4051	Oracle	3	2	1				INT324, IINT323
Chọn 1 trong 2 học phần			**3**	**2**	**1**				
1	INT4721	Phát triển mã nguồn mở	3	2	1				INT324, IINT323
2	INT4071	Hệ thống thương mại điện tử	3	2	1				INT324, IINT323
II.3. Kiến thức tốt nghiệp			**17**	**0**	**0**	**5**	**0**	**12**	
1	INT582	Thực tập tốt nghiệp Khoa học máy tính	5			5			
2	INT588	Khóa luận tốt nghiệp Hệ thống thông tin	12					12	
Chuyên đề thay thế Khóa luận tốt nghiệp			**12**				**12**		
2.1	INT511	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6				6		
2.2	INT516	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6				6		
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	Theo quy định hiện hành						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm	Theo quy định hiện hành						
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra	Theo quy định hiện hành						
7		Tin học chuẩn đầu ra	Theo quy định hiện hành						

Ghi chú:

** Giáo dục thể chất: Sinh viên học tập theo kế hoạch của Nhà trường.*

** Giáo dục Quốc phòng: Sinh viên học tập theo kế hoạch của Nhà trường.*

** Các học phần kỹ năng mềm: Sinh viên liên hệ với Viện Doanh trí để đăng ký học và thi.*

** Tin học, ngoại ngữ chuẩn đầu ra: Sinh viên liên hệ với Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ để đăng ký học và thi.*

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG KHOA**